

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 150 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 12 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án 2,
tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa và nâng cao
an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Hiệp định tín dụng Phát triển số 5749-VN ký ngày 08/4/2016 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) cho dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ các Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015, số 5492/QĐ-BNN-HTQT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt Khung An toàn đập, dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 5095/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt điều chỉnh Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ đính kèm Quyết định số 2793/QĐ-BNN-HTQT ngày 06/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Công văn số 1276/BNN-TCTL ngày 26/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thống nhất danh mục các hồ chứa thuộc Tiểu dự án 2, dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chuyển đổi chủ đầu tư các tiểu dự án trên địa bàn tỉnh thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 5592/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2020 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 5617/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch chi tiết cho các chương trình, dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2021 do tỉnh quản lý (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Tiểu dự án 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 7978/SKHĐT-TĐ ngày 30/12/2020 và Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa tại Tờ trình số 169/TTr-BQLDANN ngày 10/12/2020 (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Tiểu dự án 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa) chịu trách nhiệm khẩn trương tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

- Yêu cầu Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và yêu cầu của nhà tài trợ (WB).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

PHỤ LỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Tiểu dự án 2, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 1: Lập nhiệm vụ khảo sát, thiết kế giai đoạn lập TKBVTC-DT công trình		123,7	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tự thực hiện	Quý I/2021	Trọn gói	15 ngày
2	Gói thầu số 2: Tư vấn lựa chọn nhà thầu các gói thầu		355,0	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tự thực hiện	Quý I/2021	Trọn gói	02 tháng
3	Gói thầu số 3: Tư vấn khảo sát, lập TKBVTC-DT các công trình hồ chứa	C1-TH-TDA2-CS4	6.650,0	Vốn WB	CQS (lựa chọn trên năng lực của tư vấn)	Quý I/2021	Trọn gói	03 tháng
4	Gói thầu số 4: Tư vấn khảo sát, đánh giá, phát hiện mối, ẩn họa thân đập cho các công trình hồ chứa	C1-TH-TDA2-CS3	1.117,0	Vốn WB	CQS (lựa chọn trên năng lực của tư vấn)	Quý I/2021	Trọn gói	1,5 tháng
5	Gói thầu số 5: Tư vấn thẩm tra TKBVTC-DT công trình		273,1	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý II/2021	Trọn gói	01 tháng
6	Gói thầu số 6: Thẩm định giá		120,0	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý II/2021	Trọn gói	01 tháng
7	Gói thầu số 7: Tư vấn giám sát môi trường - xã hội và thực hiện biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; hỗ trợ kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số và hành động giới	C1-TH-TDA2-CS5	2.113,0	Vốn WB	CQS (lựa chọn trên năng lực của tư vấn)	Quý II/2021	Trọn gói	10 tháng

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
8	Gói thầu số 8: Rà phá bom mìn, vật nổ		1.173,0	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý I/2021	Trọn gói	02 tháng
9	Gói thầu số 9: Tư vấn giám sát thi công xây dựng		2.524,6	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Tự thực hiện	Quý III/2021	Trọn gói	10 tháng
10	Gói thầu số 10: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn 06 hồ chứa nước, gồm: Tây Trác, Cửa Hón, Đập Ngang, Thung Bằng, Phụng Khánh, Ngọc Đó; được chia làm 02 lô thầu	C1-TH-TDA2-W1	73.696,0	Vốn WB	NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III/2021	Theo đơn giá cố định	10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định
-	<i>Lô số 1: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn hồ chứa nước Tây Trác, Cửa Hón, huyện Thạch Thành và hồ Đập Ngang, huyện Hà Trung</i>		36.459,9	Vốn WB	<i>NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ</i>	<i>Quý III/2021</i>	<i>Theo đơn giá cố định</i>	<i>10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định</i>
-	<i>Lô số 2: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn hồ chứa nước Thung Bằng, Phụng Khánh, huyện Cẩm Thủy và hồ Ngọc Đó, huyện Ngọc Lặc</i>		37.236,1	Vốn WB	<i>NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ</i>	<i>Quý III/2021</i>	<i>Theo đơn giá cố định</i>	<i>10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định</i>

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
11	Gói thầu số 11: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn 06 hồ chứa nước, gồm: Cửa Trát, Cây Quýt, Hón Kín, Mậu Lâm, Eo Lim, Khe Tuần; được chia làm 02 lô thầu	C1-TH-TDA2-W2	104.058,3	Vốn WB	NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III/2021	Theo đơn giá cố định	10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định
-	<i>Lô số 1: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn hồ chứa nước Cửa Trát, Cây Quýt, huyện Thọ Xuân và hồ Hón Kín, huyện Thường Xuân</i>		42.635,7	<i>Vốn WB</i>	<i>NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ</i>	<i>Quý III/2021</i>	<i>Theo đơn giá cố định</i>	<i>10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định</i>
-	<i>Lô số 2: Xây lắp và bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng sửa chữa, nâng cao an toàn hồ chứa nước Mậu Lâm, Eo Lim, huyện Như Thanh và hồ Khe Tuần, thị xã Nghi Sơn</i>		61.422,6	<i>Vốn WB</i>	<i>NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ</i>	<i>Quý III/2021</i>	<i>Theo đơn giá cố định</i>	<i>10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định</i>
12	Gói thầu số 12: Xử lý môi ảnh hưởng công trình và Cung ứng, lắp đặt thiết bị, cơ khí	C1-TH-TDA2-W3	9.640,4	Vốn WB	NCB (đấu thầu cạnh tranh trong nước); 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ	Quý III/2021	Theo đơn giá cố định	10 tháng+thời gian bảo hành theo quy định
13	Gói thầu số 13: Tư vấn lập kế hoạch ứng phó khẩn cấp (EPP)	C1-TH-TDA2-CS6	1.950,0	Vốn WB	CQS (lựa chọn trên năng lực của tư vấn)	Quý III/2021	Trọn gói	03 tháng
14	Gói thầu số 14: Quy đổi vốn đầu tư xây dựng		204,2	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý II/2022	Trọn gói	01 tháng

TT	Tên gói thầu	Ký hiệu gói thầu	Giá gói thầu (triệu đồng)	Nguồn vốn	Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
15	Gói thầu số 15: Trích đo, trích thừa phục vụ GPMB		442,3	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý II/2021	Trọn gói	01 tháng
16	Gói thầu số 16: Dịch thuật		54,0	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Chỉ định thầu	Quý II/2021	Trọn gói	01 tháng
17	Gói thầu số 17: Kiểm toán tiểu dự án		701,5	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Đấu thầu rộng rãi trong nước; 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ	Quý II/2022	Trọn gói	02 tháng
	Tổng cộng		205.196,1					

Ghi chú:

- Giá các gói thầu xác định trên cơ sở Quyết định số 5201/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh không bao gồm dự phòng. Riêng các gói thầu số 9, 10, 11, 12 bao gồm 10,65% chi phí dự phòng (trong đó: 6% cho khối lượng phát sinh; 4,65% cho yếu tố trượt giá).
- Các gói thầu số 5, 6, 8, 14, 15, 16 áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.
- Các gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và yêu cầu của nhà tài trợ (WB).